

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HOÀNG VŨ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HOÀNG VŨ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG VU INVESTMENT AND TECHNOLOGIES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108238625

**3. Ngày thành lập:** 18/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, tòa nhà Detech, số 8 Tôn Thất Thuyết, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01239034666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý<br>- Môi giới                                                                                                                                                               | 4610     |
| 3.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                           | 5629     |
| 4.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển<br>- Kinh doanh Karaoke                                                                                     | 9329     |
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                   | 6820     |
| 6.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                   | 7920     |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy máy tính                                                                                                                                                            | 8559     |
| 8.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                  | 9321     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5590 |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>- Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4719 |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 12. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Bao gồm:<br>- Tư vấn về nông học;<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490 |
| 13. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9511 |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4741 |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3319 |
| 17. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3315 |
| 18. | Cổng thông tin<br>Loại trừ hoạt động liên quan đến báo chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6312 |
| 19. | Quảng cáo<br>Bao gồm:<br>- Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo: sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện truyền thông khác; đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ô tô buýt...; phân phối các nguyên liệu hoặc mẫu quảng cáo; cung cấp các chỗ trống quảng cáo trên bảng lớn; sáng tạo chuẩn và cấu trúc, vị trí thể hiện khác nhau;<br>- Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: khuyến khích quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing. | 7310 |

|     |                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) | 7730 |
| 21. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                  | 7911 |
| 22. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                      | 8532 |
| 23. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                         | 1622 |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                      | 3312 |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                          | 3313 |
| 26. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                   | 2817 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                              | 4632 |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                | 5610 |
| 29. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                   | 5621 |
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Loại trừ: hoạt động phục vụ đồ uống cho khách tiêu dùng tại chỗ tại các quán bar                                                                     | 5630 |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                       | 8230 |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                          | 4649 |
| 33. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu<br>Chi tiết:<br>- Trồng cây gia vị<br>- Trồng cây dược liệu                                                                                     | 0128 |
| 34. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                          | 0129 |
| 35. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp<br>Chi tiết: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm                                                                                    | 0150 |
| 36. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                  | 2630 |
| 37. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt<br>- Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                 | 5224 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Hoạt động đo đạc bản đồ<br>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác                                                                                                                                                                         | 7110 |
| 39. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                                                                                                    | 5510 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299 |
| 41. | Trồng rừng và chăm sóc rừng<br>Chi tiết:<br>- Ươm giống cây lâm nghiệp<br>- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ<br>- Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa<br>- Trồng rừng và chăm sóc rừng khác                                                                                                                                                                                              | 0210 |
| 42. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Loại trừ: Hoạt động xử lý dữ liệu, cho thuê trang Web liên quan đến báo chí.                                                                                                                                                                                                                                                          | 6311 |
| 43. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7912 |
| 44. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1820 |
| 45. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0221 |
| 46. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1621 |
| 47. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Bao gồm: Bán buôn van và ống điện tử; Bán buôn thiết bị bán dẫn; Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý; Bán buôn mạch in; Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng); Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông; Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến; Bán buôn đầu đĩa CD, DVD. | 4652 |
| 48. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 49. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                                                               | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 50. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0130        |
| 51. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0222        |
| 52. | Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác                                                                                                                                                                                                                                                              | 0230        |
| 53. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0240        |
| 54. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1610        |
| 55. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi<br>- Bán buôn phần mềm                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 56. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng | 4932        |
| 57. | Lập trình máy vi tính<br>Bao gồm:<br>- Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng.<br>- Lập trình các phần mềm nhúng.                                                                                                                              | 6201        |
| 58. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202(Chính) |
| 59. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                      | 6209        |
| 60. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>- Bán buôn hoa và cây<br>- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)  | 4620        |
| 61. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ<br>- Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện                                                                                                          | 1629        |
| 62. | In ấn<br>Bao gồm: in ấn bản thảo âm nhạc, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác                                                                                                                                                                                                    | 1811        |

